



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## NĂM 2009

### I - LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An tiền thân là doanh nghiệp cổ phần 100% vốn Nhà nước do 10 doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng công ty Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam) góp vốn thành lập từ tháng 01 năm 2002. Được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4603000035 ngày 24 tháng 12 năm 2001, có trụ sở đặt tại QL 13 - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương.

Vị trí Công ty đặt tại trung tâm các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương cách thành phố Hồ Chí Minh 23 km, cách thị xã Thủ Dầu Một 7 km.

Diện tích mặt bằng trụ sở Công ty đặt tại huyện Thuận An tỉnh Bình Dương là: 29.877 m<sup>2</sup> trong đó, diện tích nhà xưởng sản xuất là: 14.547 m<sup>2</sup> (chiếm 49% tổng diện tích) đường giao thông nội bộ, sân bãi là: 11.376,5 m<sup>2</sup> (chiếm 38% tổng diện tích) sân vườn cây xanh là 3.963,5 m<sup>2</sup> (chiếm 13% tổng diện tích).

Tháng 04 năm 2005, thực hiện theo quyết định số 193/QĐ-KHĐT ngày 02 tháng 03 năm 2005 của Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An bán 49 % cổ phiếu của các cổ đông sáng lập ra thị trường cho các nhà đầu tư khác.

Tháng 01 năm 2006, công ty đã phát hành thêm 4,4 triệu cổ phiếu để đầu tư dự án xây dựng nhà máy tại Xã Minh Hưng - Chơn Thành - Bình Phước, nâng vốn điều lệ của công ty lên mức **84,0775** tỷ đồng.

Diện tích mặt bằng chi nhánh của Công ty đặt tại huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước (Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước – Giai đoạn 1) là: 195.000 m<sup>2</sup> trong đó, diện tích nhà xưởng là 27.080 m<sup>2</sup>.

Ngày 23 tháng 07 năm 2007, Công ty CP chế biến gỗ Thuận An chính thức niêm yết 8.407.750 Cổ phiếu lên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán **GTA** và **GTA** đã trở thành cổ phiếu đầu tiên trong năm 2007 niêm yết và giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và cũng là cổ phiếu đầu tiên áp dụng quy định mới về giá chào sàn.

Ngày 22/10/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 200/UBCK-GCN cho Công ty Cổ phần chế biến



gỗ Thuận An với số lượng 1.992.250 cổ phiếu nhằm huy động vốn đầu tư tiếp nhà máy Bình Phước, nâng tổng vốn điều lệ lên thành 104 tỷ đồng.

Trong thời gian từ 12/03/2008 đến 12/06/2008, Công ty đã tiến hành mua lại 270.000 cổ phiếu quỹ, với mức giá bình quân 16.177 đồng/CP, tương đương 4.367.674.414 đồng.

Ngày 26/06/2008 Công ty đã tiến hành chuyển nhượng phần góp vào Công ty Cao su Chur Prông số tiền 1.438.111.250 đồng với mức giá chuyển nhượng là 3.595.278.125 đồng.

#### **Ngành nghề kinh doanh :**

- ✓ Khai thác và sơ chế gỗ; Cưa xẻ gỗ thành ván; Bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ.
- ✓ Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình kỹ thuật; Xây dựng công trình công nghiệp; Lắp đặt đồ gỗ trong xây dựng.
- ✓ Mua bán giường, tủ, bàn, ghế; Mua bán gỗ các loại; Mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- ✓ Mua bán mủ cao su.

#### **Quá trình phát triển :**

Hiện nay, sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu của Công ty đã nhiều năm liên cạnh tranh được về mặt chất lượng sản phẩm với các nước ASEAN như Indonesia, Malaysia, Thái Lan... trên thị trường Châu Âu, Mỹ... Thị trường Mỹ và Châu Âu là 2 thị trường khó tính nhưng tính ổn định cao và là thị trường truyền thống của Công ty trong các năm qua. Sản phẩm đồ gỗ của Công ty đã tạo được uy tín và có được bạn hàng gắn bó lâu dài, hợp tác mở rộng thị trường, giúp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và đảm bảo được nhu cầu tiêu thụ sản phẩm với số lượng lớn và tăng trưởng liên tục. Năm 2005 và năm 2006 Công ty được bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín. Cụ thể, năm 2005 được Bộ thương mại bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc, được tặng bằng khen và thưởng xuất khẩu năm 2005 là 300 triệu đồng.

Năm 2007 Công ty chuyển phần lớn doanh thu từ hàng ngoài trời (outdoor) từ thị trường Châu Âu sang mặt hàng trong nhà (indoor) cho thị trường Mỹ.

Năm 2008, để đối mặt với sự bất ổn định của thị trường Mỹ, Công ty đã phát triển thêm một số dòng sản phẩm giả cổ mới bên cạnh những dòng sản phẩm xuất khẩu truyền thống trước đây.

Trong năm 2009 Công ty tập trung sản xuất những mặt hàng trong nhà với những sản phẩm yêu cầu kỹ thuật tinh tế và có giá trị kinh tế cao.



Các sản phẩm của Công ty hoàn toàn sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng trong nước (cao su và trầm) cho nên có thể chủ động được nguồn nguyên liệu cho sản xuất, hạn chế việc tăng chi phí từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Để đạt được hiệu quả cao hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay, song song với việc duy trì và phát triển thị trường Mỹ và Châu Âu đang có thế lực. Công ty đang nỗ lực hiện đại hoá công tác tổ chức quản lý nhằm giảm chi phí sản xuất, tạo thế mạnh cho việc cạnh tranh mạnh mẽ để mở rộng thị trường tiêu thụ đồ gỗ sang các thị trường tiêu thụ khác như Nhật Bản và các nước khác trong khu vực.

Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ ở thị trường nội địa là các loại phiêu gỗ cao su sấy và các loại ván ghép bán cho các nhà máy tinh chế trên các địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh...

### **📌 Định hướng phát triển**

Công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An hoàn thành kế hoạch năm 2009 với những con số tương đối khả quan. Bước sang năm 2010, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đang từng bước ổn định và phát triển, chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng mới. Tuy nhiên vẫn còn không ít khó khăn phía trước, đó là giá cả nguyên liệu đầu vào biến động tăng như: giá xăng dầu tăng theo thị trường thế giới, giá điện và giá các vật tư khác như sắt thép nguyên liệu tăng làm tất cả vật tư đầu vào tăng theo.

Mặt khác, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, số người thất nghiệp vẫn còn cao, cuộc sống ngày càng khó khăn do thu nhập của người dân giảm sút, sức mua giảm nên giá cả đầu ra bị cạnh tranh gay gắt.

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây lao động luôn là vấn đề nóng đối với các doanh nghiệp, năm nay càng trở nên gay gắt hơn.

Với mục tiêu giữ vững khách hàng truyền thống, phát triển các khách hàng tiềm năng, tăng cường sản phẩm nội thất xuất khẩu, mở rộng thị trường nội địa, phát triển và sử dụng tối đa công suất thiết kế tại Chi nhánh Bình Phước, tập trung đầu tư chiều sâu để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và tăng sức cạnh tranh.

Trong dài hạn, công ty tăng cường SX hàng trong nhà, giảm doanh thu hàng ngoài trời xuống còn tối đa : 15 - 20% tổng doanh thu.

Để giảm áp lực lao động, tăng doanh thu công ty sẽ thiết lập mạng lưới nhà thầu phụ trên trục đường Thuận An - Bình Phước nhằm đẩy mạnh hơn nữa khâu gia công bên ngoài từ các công đoạn ghép ván và làm bán thành phẩm, đồng thời tăng cường lao động cho các công đoạn sơn, lắp ráp hoàn chỉnh, đóng gói xuất hàng.

Trong 5 năm tới, đưa sản lượng tinh chế tăng 30% vào năm 2014 và ổn định ở mức 10.000 m3/năm.



Tích cực tìm kiếm thêm khách hàng, thành lập phòng thiết kế để chủ động chào mẫu đến khách hàng, đăng ký độc quyền thương hiệu TAC. Thiết kế và triển khai phông trưng bày giới thiệu sản phẩm nhằm mở rộng thị trường nội địa, phấn đấu đến năm 2014 đạt 30% sản lượng tinh chế đồng thời giới thiệu rộng rãi thương hiệu TAC ra thị trường trong và ngoài nước .

Tìm kiếm đối tác để liên doanh liên kết nhằm tận dụng mặt tiền Chi nhánh Bình Phước nhằm tạo thêm thu nhập cho công ty.

Nghiên cứu, xem xét việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại Thuận An theo chương trình quy hoạch của Tỉnh Bình Dương. Công ty đang tìm hiểu thủ tục và các bước tiến hành chuyển đổi từ đất dùng sản xuất kinh doanh sang kinh doanh Trung tâm thương mại và cao ốc văn phòng khi có quyết định chính thức về Quy hoạch của Tỉnh Bình Dương.

Tập trung củng cố và phát triển Chi nhánh Bình Phước vì lâu dài Nhà máy chế biến tại Thuận An sẽ phải di dời lên Chi nhánh Bình Phước để phù hợp với quy hoạch chung của Tỉnh Bình Dương đồng thời tận dụng vị trí đắc địa tại Thuận An nhằm tăng hiệu quả cho công ty.

## **II - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm 2009, tình hình nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng từng bước có sự hồi phục so với cuối năm 2008. Đặc biệt Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia trên thế giới sớm vượt qua cuộc khủng hoảng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong nước đang trong quá trình hồi phục và tăng trưởng trở lại.

Công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An có những thuận lợi cơ bản là ngay từ đầu năm trong khi các đơn vị khác không có đơn hàng , công nhân phải nghỉ chờ việc thì Thuận An đã giành được đơn hàng chiếm 80% doanh thu KH năm.

Về nguồn vốn, công ty đủ khả năng tự cân đối vốn trong sản xuất kinh doanh đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn trong quá trình sản xuất.

Năm 2009 là năm thế giới vừa bước chân ra khỏi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế thế giới chưa ổn định, những khó khăn do hậu quả của khủng hoảng chưa được khắc phục. Giá cả các mặt hàng thiết yếu cho SX như xăng dầu, sắt thép luôn biến động làm giá thành sản phẩm tăng.

Mặt khác, do tình trạng luôn bị thiếu lao động nên các nhà máy thường xuyên phải tăng ca, làm thêm chủ nhật, bên cạnh đó, để đảm bảo lịch giao hàng, nhà máy còn phải tăng cường gia công bán thành phẩm bên ngoài, vì thế chi phí tiền lương tăng, lợi nhuận lại phải chia sẻ cho đơn vị gia công.

Trong bối cảnh đó, ban điều hành công ty phát huy tối đa nội lực sẵn có : sự nhất trí cao trong ban giám đốc, sự nỗ lực hết mình, tinh thần đoàn kết vượt khó của toàn





thể CB-CNV để đưa công ty vượt qua giai đoạn khó khăn nhất và đạt được kết quả tương đối khả quan, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HĐQT công ty giao.

### **1/ Doanh thu - Lợi nhuận:**

Năm 2009, tổng doanh thu công ty đạt 286,36 tỷ đồng đạt 151,58% kế hoạch, tăng 75,05% so với năm 2008. Trong đó, doanh thu xuất khẩu đạt 150,05 tỷ, tương đương 118,1% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế năm 2009 là 11,59 tỷ đồng, đạt 102,48% so với kế hoạch năm 2009, tăng 30,62% so với năm 2008.

### **2/ Đầu tư XDCB và mua sắm MMTB:**

Trong năm 2009 tổng đầu tư XDCB và mua sắm MMTB của công ty là 3,806 tỷ đồng, trong đó mua sắm MMTB là 2,925 tỷ đồng và đầu tư xây lắp là 881 triệu đồng. Cụ thể quý 1, công ty đã hoàn thành và tăng tài sản đối với công trình nhà ở cho công nhân trên chi nhánh Bình Phước với giá trị 654 triệu đồng, trang bị cho xí nghiệp tính chế trung tâm 1 xe tải Hyundai trị giá 417 triệu đồng. Trong quý 3 năm 2009, Công ty trang bị cho Xí nghiệp tinh chế trung tâm 1 máy nén khí trị giá 253 triệu đồng, dây chuyền sơn treo trị giá 793 triệu đồng và một số máy móc phục vụ sản xuất khác.

### **3/ Nguồn vốn khấu hao TSCĐ:**

Nguồn khấu hao đã trích trong năm 2009 là 11,29 tỷ, trong đó: tại Thuận An trích được 5,17 tỷ và Chi nhánh Bình Phước là 6,12 tỷ.

Tính đến 31/12/2009 tổng nguồn khấu hao công ty đã trích được: 46,76 tỷ đồng. Công ty đã tiến hành XDCB, mua sắm MMTB phục vụ cho việc sản xuất tại Công ty từ nguồn vốn khấu hao 17,6 tỷ đồng. Như vậy, tổng nguồn vốn khấu hao còn lại của công ty tính đến 31/12/2009 là 29,16 tỷ đồng. Hiện tại nguồn vốn này đang sử dụng làm vốn lưu động tại công ty.

Tổng TSCĐ toàn công ty có đến 31/12/2009 là 121,6 tỷ đồng, trong đó: Chi nhánh Bình Phước: 72 tỷ đồng, tại Thuận An: 49,6 tỷ đồng. Tổng giá trị còn lại là 74,84 tỷ đồng, trong đó: Chi nhánh Bình Phước: 55,6 tỷ đồng, tại Thuận An: 19,24 tỷ đồng.

### **4/ Việc mở rộng đầu tư :**

Tới thời điểm hiện nay, tổng vốn đầu tư góp vốn vào Công ty CP cao su Phú Thịnh là 7,5 tỷ đồng. Trong đó, Công ty góp 1,7 tỷ và cá nhân góp 5,8 tỷ đồng.

Năm 2009, Công ty CP cao su Phú Thịnh đã trồng mới được 451,44ha cây cao su nâng tổng diện tích cây cao su lên 1.609,44ha, doanh thu 2009 đạt 48,3 tỷ và 633 triệu đồng lợi nhuận sau thuế, dự kiến chia cổ tức 3,413% trên vốn góp bình quân 3 năm.



### MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2009

STT	CHỈ TIÊU	NVT	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	TY LỆ % TH/KH	TY LỆ % TH09/TH08
I	SẢN XUẤT					
1	Khai thác	Ste	144.000	199.293	138,40	420,72
2	Số chế	m <sup>3</sup>	38.000	45.355	119,36	221,36
3	Tinh chế	m <sup>3</sup>	8.000	5.874	73,43	94,06
II	DOANH THU TIÊU THỤ	Ngan nông	188.920.000	286.363.088	151,58	175,05
	- Số chế	"	57.570.000	118.836.324	206,42	331,36
	- Tinh chế	"	131.350.000	157.785.887	120,13	123,99
	Trong nội + Nội hóa:	"	4.300.000	7.739.369	179,99	57,63
	+ Xuất khẩu:	"	127.050.000	150.046.518	118,10	131,82
	- Khác	"		9.740.877		
III	THU NHẬP DOANH NGHIỆP					
1	Tổng thu nhập trước thuế	"	11.312.000	11.592.688	102,48	130,62
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	2.828.000	2.386.901		
3	Thu nhập sau thuế	"	8.484.000	9.205.786	108,51	120,63
4	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp	%	8,16	8,85	108,51	
5	Trích khấu hao TSCN	Ngan nông	10.810.000	11.291.890	104,46	109,54
6	Vốn góp	"	104.000.000	104.000.000		
IV	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB	"	4.447.000	3.806.376		
1	Mua sắm MMTB	"	2.864.000	2.925.214	102,14	40,28
2	Nấu tổ xây lắp	"	1.583.000	881.162	55,66	75,59
V	LAO NÔNG - TIỀN LƯƠNG					
1	Lao nông bình quân	người	1.130	833	73,72	110,62
2	Tổng quy đổi lương - thưởng	Ngan nông	31.891.000	28.003.533	87,81	133,73
3	Thu nhập bình quân	đ/ng/thg	2.351.869	2.801.474	119,12	120,89

### III - BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong điều kiện khó khăn của năm 2009, việc phải giảm giá bán khiến tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu giảm 25,36% so với năm trước. Ban điều hành công ty đã tăng cường tổ chức sản xuất với công suất cao để bù đắp cho chênh lệch trên, kết quả là tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp đã tăng 20,63% so với năm 2008.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo : book value ( vốn chủ sở hữu / vốn điều lệ ) là 1,5

- ❖ Tổng số cổ phiếu phổ thông: 10.400.000 CP
- ❖ Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 10.130.000 CP
- ❖ Số lượng cổ phiếu quỹ: 270.000 CP
- ❖ Chia cổ tức năm 2009 là 7% (700 đồng/cổ phiếu)



**Một số chỉ tiêu tài chính :**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>NĂM 2009</b>	<b>NĂM 2008</b>
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	38,42	46,76
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	61,58	53,24
<b>2.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28,80	19,17
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71,20	80,83
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,13	5,22
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,14	2,78
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,19	0,43
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	3,9	5,23
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	3,1	4,49
<b>3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng TS	%	5,3	4,59
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS	%	4,21	3,94
<b>3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn góp</b>	%	8,85	7,34

Với định hướng phát triển bền vững, ban điều hành công ty đã xác định chiến lược khách hàng cũng như phương hướng hành động trong thời gian sắp tới như sau:

- Tiếp tục công tác củng cố bộ máy điều hành quản lý tại Công ty cũng như ở chi nhánh Bình Phước.
- Với những khó khăn trong việc tuyển dụng nhân sự của chi nhánh Bình Phước trong năm 2009 cũng như nhận định tình hình lao động cho năm 2010, Công ty sẽ tiến hành xây dựng thêm nhà ở cho cán bộ công nhân viên trên chi nhánh với sức chứa 200 người nhằm thu hút và duy trì ổn định nhân lực có tay nghề tại chi nhánh Bình Phước.
- Trang bị thêm và tái đầu tư một số máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ mới phục vụ sản xuất, tiến hành bảo trì và đại tu những máy móc đã sử dụng lâu năm, tiến tới tiết giảm chi phí nhân công nhưng vẫn đảm bảo được năng suất sản xuất.
- Giữ vững khách hàng và thị trường truyền thống (Châu Âu, Bắc Mỹ, Úc), chủ động khai thác thêm thị trường mới, khách hàng mới, đem lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn, từng bước thâm nhập thị trường nội địa.
- Ưu tiên lựa chọn khách hàng có sản phẩm sản xuất bằng gỗ cao su và ván MDF nhằm giúp công ty chủ động hơn trong vấn đề nguyên liệu.



- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, năng cao năng suất lao động, đảm bảo giao hàng đúng tiến độ và giữ uy tín với khách hàng.
- Tăng cường quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, giảm chi phí để tăng hiệu quả sản xuất.
- Triển khai mua nguyên liệu sớm để tận dụng thời điểm giá thấp và đảm bảo cung cấp kịp thời nguyên liệu cho sản xuất đồng thời phát triển nhà thầu phụ gia công bán thành phẩm cho Công ty nhằm tăng công suất và đáp ứng nhu cầu đơn hàng.
- Quan tâm và chăm lo đời sống cho CBCNV về vật chất cũng như tinh thần, cải thiện tốt hơn môi trường làm việc, tăng thu nhập cho người lao động. Không ngừng đào tạo huấn luyện nâng cao tay nghề, kỹ năng cho người lao động, thu hút lao động giỏi.

#### IV - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

##### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị : VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.25	<b>286,363,090,948</b>	<b>163,592,110,640</b>
2.	Các khoản giảm trừ	03	VI.26		3,367,235,854
3.	<b>Doanh thu thuần</b>	10	VI.27	<b>286,363,090,948</b>	<b>160,224,874,786</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	272,151,149,280	146,956,003,010
5.	<b>Lợi nhuận gộp</b>	20		<b>14,211,941,668</b>	<b>13,268,871,776</b>
6.	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	21	VI.29	<b>9,194,178,149</b>	<b>6,089,567,231</b>
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	596,289,907	201,451,542
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		372,175,143	
8.	Chi phí bán hàng	24		2,851,768,844	3,590,076,722
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,813,324,041	6,735,318,258
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>10,144,737,025</b>	<b>8,831,592,485</b>
11.	Thu nhập khác	31		1,587,467,970	102,164,821
12.	Chi phí khác	32		139,516,168	58,937,346
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>1,447,951,802</b>	<b>43,227,475</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>11,592,688,827</b>	<b>8,874,819,960</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	2,386,901,854	1,243,545,803
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>9,205,786,973</b>	<b>7,631,274,157</b>
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70		<b>909</b>	<b>756</b>





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b><u>134,758,318,930</u></b>	<b><u>103,039,339,055</u></b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11,064,763,000</b>	<b>12,933,069,911</b>
1.	Tiền	111	V.1	11,064,763,000	12,933,069,911
2.	Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>807,345,000</b>	<b>2,904,251,092</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	807,345,000	2,904,251,092
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>33,880,308,481</b>	<b>25,055,679,481</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		24,809,423,658	16,291,511,504
2.	Trả trước cho người bán	132		9,291,421,263	6,539,145,153
5.	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	V.3	103,314,527	2,529,993,612
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-323,850,967	-304,970,788
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>84,094,242,039</b>	<b>58,887,467,931</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	84,418,053,441	59,291,405,221
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-323,811,402	-403,937,290
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,911,660,410</b>	<b>3,258,870,640</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		606,883,886	275,322,170
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,076,671,443	2,767,934,279
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		228,105,081	215,614,191
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b><u>84,057,650,921</u></b>	<b><u>90,505,815,791</u></b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>75,379,367,728</b>	<b>82,816,530,518</b>
1.	TSCĐ hữu hình	221	V.8	74,843,767,186	82,329,281,458
	- Nguyên giá	222		121,602,229,826	117,795,853,372
	- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(46,758,462,640)	(35,466,571,914)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	535,600,542	487,249,060
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7,500,000,000</b>	<b>7,200,000,000</b>
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	7,500,000,000	7,200,000,000
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,178,283,193</b>	<b>489,285,273</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,178,283,193	489,285,273
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b><u>218,815,969,851</u></b>	<b><u>193,545,154,846</u></b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b><u>63,025,767,208</u></b>	<b><u>37,099,842,561</u></b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b><u>62,954,278,066</u></b>	<b><u>37,070,844,842</u></b>
2.	Phải trả cho người bán	312		26,822,899,522	9,336,348,368
3.	Người mua trả tiền trước	313		25,155,222,055	18,432,456,941
4.	Thuế và các khoản nộp Ngân sách	314	V.16	2,918,551,138	189,131,494
5.	Phải trả người lao động	315		1,720,110,345	2,750,255,581
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17		50,000,000
9.	Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	6,337,495,006	6,312,652,458
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b><u>71,489,142</u></b>	<b><u>28,997,719</u></b>
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		71,489,142	28,997,719
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b><u>155,790,202,643</u></b>	<b><u>156,445,312,285</u></b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b><u>152,958,580,364</u></b>	<b><u>153,594,260,297</u></b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		104,000,000,000	104,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		41,982,000,000	41,982,000,000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4.	Cổ phiếu ngân quỹ	414		-4,367,674,414	-4,367,674,414
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-237,650,118	
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		2,295,937,109	2,014,733,950
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		80,180,815	2,333,926,604
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10.	Lợi nhuận chưa phân phối	420		9,205,786,972	7,631,274,157
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b><u>2,831,622,279</u></b>	<b><u>2,851,051,988</u></b>
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2,831,622,279	2,851,051,988
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b><u>218,815,969,851</u></b>	<b><u>193,545,154,846</u></b>

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		499,054.45	804,195.82
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
**Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2009	Năm 2008
<b>I -</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		292,024,852,830	171,187,903,600
2	Tiền trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(250,313,369,722)	(156,997,595,884)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(24,867,542,024)	(35,312,836,284)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(372,175,143)	
5	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(943,802,795)	(1,826,872,301)
6	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	06		7,447,545,186	21,516,617,324
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22,683,368,875)	(16,278,815,338)
	<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>292,139,457</b>	<b>(17,711,598,883)</b>
<b>II -</b>	<b>II-LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(228,309,955)	(8,128,128,678)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS ngắn hạn khác	22			320,397,000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(97,952,500,000)	(96,556,840,000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100,376,507,363	132,192,739,000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300,000,000)	(1,200,000,000)
6	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	26			3,595,278,125
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi tức được chia	27		2,033,795,138	2,706,094,281
	<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3,929,492,546</b>	<b>32,929,539,728</b>
<b>III -</b>	<b>III-LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1	Thu tiền từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31			
2	Tiền chi trả vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN phát hành	32			(4,367,674,414)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		30,577,100,000	
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30,577,100,000)	
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5,881,438,914)	(8,700,058,500)
	<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5,881,438,914)</b>	<b>(13,067,732,914)</b>
	<b>Lưu chuyển thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1,659,806,911)</b>	<b>2,150,207,931</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	V.1	<b>12,933,069,911</b>	<b>10,782,861,980</b>
	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(208,500,000)</b>	
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>11,064,763,000</b>	<b>12,933,069,911</b>



**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VND

**1. Tiền**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Tiền mặt	305.946.959	257.608.695
- Tiền gửi ngân hàng	10.758.816.041	12.675.461.216
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>11.064.763.000</u></b>	<b><u>12.933.069.911</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Tiền gửi có KH tại NH TMCP Á Châu	807.345.000	2.904.251.092
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>807.345.000</u></b>	<b><u>2.904.251.092</u></b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn	-	-
- Lãi thu từ góp vốn liên doanh	-	-
- Phải thu khác	103.314.527	2.529.993.612
+ Thuế GTGT được hoàn theo Quyết định số 7755/QĐ-CT ngày 31/12/2008.	-	2.373.370.420
+ Phải thu khác	<u>103.314.527</u>	<u>143.195.336</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>103.314.527</u></b>	<b><u>2.529.993.612</u></b>

**4. Hàng tồn kho:**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Hàng mua đang đi đường	11.162.132.208	10.980.074.359
- Nguyên liệu, vật liệu	9.987.469.965	4.269.987.972
- Công cụ, dụng cụ	112.910.814	52.285.774
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.647.117.837	24.040.657.895
- Thành phẩm	34.508.422.617	19.140.708.997
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>84.418.053.441</u></b>	<b><u>59.291.405.221</u></b>

**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	<i>Nhà cửa, Vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, trang thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	60.066.939.306	40.788.018.809	14.993.822.132	1.947.073.125	-	117.795.853.372
- Mua trong kỳ	-	2.370.885.497	509.877.257	44.451.480	-	2.925.214.234
- Đầu tư XDCB hoàn thành	881.162.220	-	-	-	-	881.162.220
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>60.948.101.526</u></b>	<b><u>43.158.904.306</u></b>	<b><u>15.503.699.389</u></b>	<b><u>1.991.524.605</u></b>	<b>-</b>	<b><u>121.602.229.826</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	15.250.270.287	16.528.570.307	2.261.764.274	1.425.967.046	-	35.466.571.914
- Khấu hao trong kỳ	4.296.094.622	5.443.921.205	1.475.457.623	76.417.276	-	11.291.890.726
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>19.546.364.909</u></b>	<b><u>21.972.491.512</u></b>	<b><u>3.737.221.897</u></b>	<b><u>1.502.384.322</u></b>	<b>-</b>	<b><u>46.758.462.640</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	<u>44.816.669.019</u>	<u>24.259.448.502</u>	<u>12.732.057.858</u>	<u>521.106.079</u>	-	<u>82.329.281.458</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>41.401.736.617</u>	<u>21.186.412.794</u>	<u>11.766.477.492</u>	<u>489.140.283</u>	-	<u>74.843.767.186</u>





Đơn vị: VND

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Tổng số chi phí XD CB dở dang:	<b>535.600.542</b>	<b>487.249.060</b>
Trong đó:		
+ Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	409.749.060	409.749.060
+ Chi phí khác	125.851.482	77.500.000

**13. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>31/12/20089</u>	<u>01/01/2009</u>
- Đầu tư cổ phiếu	-	-
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	7.500.000.000	7.200.000.000
<i>Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư</i>		
<i>Xây dựng Cao su Phú Thịnh</i>	(i) 7.500.000.000	7.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.500.000.000</u></b>	<b><u>7.200.000.000</u></b>

(i): Khoản góp vốn tương ứng với 75.000 cổ phần chiếm 19,24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Thịnh tính đến thời điểm 31/12/2009. Đến thời điểm 31/12/2009, vốn góp của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An là 1.700.000.000 đồng tương đương 17.000 cổ phần, vốn huy động của cán bộ công nhân viên là 5.800.000.000 đồng tương đương 58.000 cổ phần.

Đối với các cán bộ công nhân viên tham gia góp vốn sẽ được hưởng cổ tức và gánh chịu rủi ro (nếu có) theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Thịnh.

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Chi phí lập website, hệ thống ISO 9001	-	24.096.334
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.178.283.193	465.188.939
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.178.283.193</u></b>	<b><u>489.285.273</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Thuế giá trị gia tăng	693.416.654	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.199.087.375	146.911.896
- Thuế thu nhập cá nhân	26.047.109	27.719.598
- Thuế tài nguyên	-	-
- Các loại thuế khác	-	14.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.918.551.138</u></b>	<b><u>189.131.494</u></b>

Đơn vị: VND

**17. Chi phí phải trả:**



	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Trích trước chi phí hàng xuất khẩu	-	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>50.000.000</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	(i) 212.787.713	108.477.789
- Bảo hiểm xã hội, y tế	120.658.979	72.665.948
- Kinh phí công đoàn	30.686.037	77.806.975
- Phải trả khác	(ii) 5.973.362.276	6.053.701.746
<b>Cộng</b>	<b>6.337.495.005</b>	<b>6.312.652.458</b>

(i): Tài sản thừa chờ xử lý là giá trị thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ thừa theo số liệu thực tế kiểm kê tại ngày 31/12/2009

(ii) Trong đó bao gồm:

- Phải trả cán bộ công nhân viên tiền góp vốn mua cổ phần Công ty CP ĐTXD Phú Thịnh: 5.800.000.000 đồng
- Phải trả khác: 173.362.276 đồng

## 22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>84.077.500.000</b>	<b>10.153.995.000</b>	-	-	<b>1.225.751.593</b>	<b>1.591.514.247</b>	<b>8.122.047.132</b>	<b>105.170.807.972</b>
- Tăng vốn trong năm trước	19.922.500.000	31.828.005.000	-	-	-	-	-	51.750.505
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	7.631.274.157	7.631.274.157
- Tăng khác	-	-	(4.367.674.414)	-	788.982.357	742.412.357	-	(2.836.279.700)
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2007	-	-	-	-	-	-	(5.153.430.000)	(5.153.430.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.968.617.132)	(2.968.617.132)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>41.982.000.000</b>	<b>(4.367.674.414)</b>	-	<b>2.014.733.950</b>	<b>2.333.926.604</b>	<b>7.631.274.157</b>	<b>153.594.260.297</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	9.205.786.973	9.205.786.973
- Tăng khác	-	-	-	(237.650.118)	610.501.933	610.501.933	-	983.353.748
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	-	(6.078.000.000)	(6.078.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(329.298.774)	(2.864.247.722)	(1.553.274.158)	(4.746.820.654)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối đầu năm nay</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>41.982.000.000</b>	<b>(4.367.674.414)</b>	<b>(237.650.118)</b>	<b>2.295.937.109</b>	<b>80.180.815</b>	<b>9.205.786.972</b>	<b>152.958.580.364</b>



Đơn vị: VND

## b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Vốn góp của các cổ đông	101.300.000.000	101.300.000.000
- Cổ phiếu quỹ (i)	2.700.000.000	2.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>104.000.000.000</u></b>	<b><u>104.000.000.000</u></b>

(i): Số lượng cổ phiếu quỹ: 270.000 cổ phiếu  
Mệnh giá cổ phiếu quỹ: 10.000 VND/1 cổ phiếu

## c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	104.000.000.000	84.077.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	19.922.500.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	104.000.000.000	104.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.078.000.000	5.153.430.000

## d. Cổ phiếu:

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.400.000	10.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.400.000	10.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.400.000	10.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	270.000	270.000
+ Cổ phiếu phổ thông	270.000	270.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.130.000	10.130.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.130.000	10.130.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/1 cổ phiếu	

## e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.295.937.109	2.014.733.950
- Quỹ dự phòng tài chính	80.180.815	2.333.926.604
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.376.117.924</u></b>	<b><u>4.348.660.554</u></b>



**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị: VND

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>286.363.090.948</u></b>	<b><u>163.592.110.640</u></b>
- Doanh thu bán hàng	286.363.090.948	163.592.110.640
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-

**26. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.367.235.854</u></b>
- Hàng bán bị trả lại	-	3.367.235.854

**27. Doanh thu thuần**

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
<b>D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ</b>	<b><u>286.363.090.948</u></b>	<b><u>160.224.874.786</u></b>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	286.363.090.948	160.224.874.786
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
- Giá vốn thành phẩm đã bán	272.151.149.280	146.552.065.720
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	403.937.290
<b>Cộng</b>	<b><u>272.151.149.280</u></b>	<b><u>146.956.003.010</u></b>

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.161.273.325	1.752.147.150
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	563.746.787
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.032.904.824	1.432.049.905
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	184.456.514
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.157.166.875
<b>Cộng</b>	<b><u>9.194.178.149</u></b>	<b><u>6.089.567.231</u></b>

Đơn vị: VND

**30. Chi phí tài chính**

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
- Lãi tiền vay	372.175.143	-
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-





-	Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
-	Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	224.055.559	201.451.542
-	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
-	Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
-	Chi phí tài chính khác	59.205	-
	<b>Cộng</b>	<b>596.289.907</b>	<b>201.451.542</b>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

		<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
-	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	2.386.901.854	1.243.545.803
-	Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>2.386.901.854</b>	<b>1.243.545.803</b>

(*)	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	(1)	<b>11.592.688.827</b>
	<b>Các khoản tăng lợi nhuận tính thuế TNDN</b>	(2)	<b>341.820.443</b>
	Trong đó bao gồm:		
	<i>Chi phí không hợp lý</i>		<i>341.820.443</i>
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán chịu thuế (= (1) + (2))</b>	(3)	<b>11.934.509.270</b>
	Thuế suất thuế TNDN hiện hành	(4)	20%
	<b>CP thuế TNDN hiện hành (= (3) * (4))</b>	(5)	<b>2.386.901.854</b>

**33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

		<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
-	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	215.957.480.762	123.286.413.321
-	Chi phí nhân công	11.432.912.836	18.926.988.715
-	Chi phí khấu hao TSCĐ	11.291.890.727	10.319.011.953
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.312.778.059	3.379.523.322
-	Chi phí khác bằng tiền	49.903.057.029	7.018.115.459
	<b>Cộng</b>	<b>292.898.119.413</b>	<b>162.930.052.770</b>

Đơn vị: VND

**34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

		<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
-	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	9.205.786.973	7.631.274.157
-	Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.205.786.973	7.631.274.157
-	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.130.000	10.098.900
-	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>909</b>	<b>756</b>



## V - GIẢI TRÌNH BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 26 /2010/BCKT-AASCN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009  
của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An.

**Kính gửi: Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2010*

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Bùi Ngọc Vương**  
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

**Bùi Ngọc Hà**  
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV



## CÁC NHẬN XÉT KHÁC

### - Thông tin so sánh:

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN).

### - Tính hoạt động liên tục của Công ty:

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định công ty sẽ hoạt động liên tục.

## VI - TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổng số cán bộ công nhân viên tính đến ngày 31/12/2009 là 989 người. Chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động. Thu nhập bình quân trong năm đạt 2.801.474đồng /người/tháng.

Các chế độ chính sách cho người lao động được đảm bảo, trong dịp Tết năm Canh Dần 2010 vừa qua công ty đã chi thưởng cho CBCNV với tổng tiền thưởng 2.514.545.508 đ, bình quân: 2.800.162 đ/người (so với năm Kỷ Sửu: tiền thưởng bình quân: 2.253.095 đ/người, tăng 24,28%).

Trong năm 2009, thành lập thêm phòng Kỹ thuật - Chất lượng Chi nhánh, bổ nhiệm 7 cán bộ các cấp do công ty quản lý (trong đó tuyển mới 2, bổ nhiệm mới 5).

Tổng mức thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2009 là : 216.000.000 đồng.

### ✚ **Danh sách thành viên trong ban điều hành :**

#### ▪ **Hội đồng quản trị**

- |                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| - Ông Lê Minh Châu    | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Ngọc | - Ủy viên HĐQT  |
| - Ông Nguyễn Sỹ Thụy  | - Ủy viên HĐQT  |
| - Ông Ngô Trường Kỳ   | - Ủy viên HĐQT  |
| - Bà Lê Thị Xuyên     | - Ủy viên HĐQT  |

#### ▪ **Danh sách Ban Giám đốc:**

- |                         |                    |
|-------------------------|--------------------|
| - Ông - Trần Văn Đá     | - Giám đốc Cty     |
| - Bà - Lê Thị Xuyên     | - Phó Giám đốc Cty |
| - Ông - Đặng Quốc Cường | - Phó Giám đốc Cty |





- Quê quán: Bình Phước
- Địa chỉ thường trú: Ấp 4B, Thị Trấn Lộc Ninh, Bình Phước.
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:  
Năm 1972 đến nay Công tác tại Công ty cao su Lộc Ninh.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty cao su Phước Hòa.
- Thù lao nhận năm 2009: 24.000.000 đồng

### **3. Họ và tên: NGUYỄN VĂN NGỌC - Ủy viên HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12 – 01 - 1956
- Nơi sinh: Xã Tân An – TX Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: 113/29/92 Phú Hòa, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Sư Phạm
- Quá trình công tác:  
Năm 1975 – 1991 Phó phòng tổ chức cán bộ Sở giáo dục  
Năm 1997- nay Phó giám đốc Công ty Cao su Phước Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty Cao su Phước Hòa.
- Số cổ phiếu nắm giữ CP
- Thù lao nhận năm 2009: 24.000.000 đồng

### **4. Họ và tên: NGÔ TRƯỜNG KỶ - Ủy viên HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26-07-1953
- Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP.HCM





- Địa chỉ thường trú: Phường Tân Bình, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:  
Năm 1988 đến 1999 Kế toán trưởng Công ty cao su Đồng Phú.  
Năm 2000 đến nay Phó Giám đốc Công ty cao su Đồng Phú.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty cao su Đồng Phú
- Số cổ phiếu nắm giữ CP
- Thù lao nhận năm 2009: 24.000.000 đồng

**5. Họ và tên: LÊ THỊ XUYẾN -P.Giám Đốc kiêm Ủy viên HĐQT**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 07-11-1972
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 35 đường 20, P.Linh Chiểu, Q.Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-3718 031
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:  
Từ năm 2002 đến 2003 Trưởng phòng SXKD Công ty CP CB gỗ Thuận An.  
Từ năm 2004 đến 2008 Kế toán trưởng Công ty CP CB gỗ Thuận An.  
Từ 01/07/08 đến nay Phó Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An.
- Số cổ phiếu nắm giữ 19.470 CP
- Thù lao nhận năm 2009: 24.000.000 đồng

**6. Họ và tên: TRẦN VĂN ĐÁ - Giám đốc Công ty**

- Giới tính: Nam



- Ngày tháng năm sinh: 26-11-1959
- Nơi sinh: Bình Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Thuận
- Địa chỉ thường trú: 61 đường số 6, Phường 4, Quận 4, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-3718031
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ Hiện nay: Giám đốc Công ty CP CB gỗ Thuận An.
- Quá trình công tác:  
Năm 1984 đến 1990: Công tác tại Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.

Năm 1990 đến Tháng 06/2008: Công tác tại Cty CP XNK cao su, chức vụ cao nhất: Phó Giám đốc Cty CP XNK cao su.

Từ 01/07/2008 đến nay: Giám đốc Công ty CP CB gỗ Thuận An.

- Số cổ phiếu nắm giữ 10.000 CP
- Tiền lương, thưởng nhận năm 2009: 267.741.000 đồng

## **7. Họ và tên: TRẦN THỊ KIM THANH - Trưởng ban KS**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/05/1966
- Nơi sinh: Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn An Lộc, Bình Long, Bình Phước
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0651-666186
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:  
Công tác tại phòng Kế toán Công ty Cao su Bình Long từ năm 1990
- Chức vụ Hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cao su Bình Long
- Số cổ phiếu nắm giữ 3.550 CP



- Thù lao nhận năm 2009: 24.000.000 đồng

#### **8. Họ và tên: NGUYỄN THỊ OANH - TV Ban KS**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 20.08.1965
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Phú Riềng, Phước Long, Bình Phước.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ Hiện nay: Phó phòng tài chính kế toán Công ty Cao su Phú Riềng
- Số cổ phiếu nắm giữ 2.000 CP
- Thù lao nhận năm 2009: 18.000.000 đồng

#### **9. Họ và tên: NGUYỄN HAI - TV Ban KS**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30.01.1965
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: Xuân Lộc, Long Khánh, Đồng Nai.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ Hiện nay: Phó phòng XD CB Công ty Cao su Đồng Nai
- Số cổ phiếu nắm giữ CP
- Thù lao nhận năm 2009: 18.000.000 đồng



## DỮ LIỆU THỐNG KÊ CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 20/03/2010

STT	Cơ cấu	Số lượng CP	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>10.065.819</b>	<b>99,37%</b>
	Cá nhân	3.804.577	37,56%
	Tổ chức	6.261.242	61,81%
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>64.181</b>	<b>0,63%</b>
	Cá nhân	62.806	0,62%
	Tổ chức	1.375	0,01%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.130.000</b>	<b>100,00%</b>

**GIÁM ĐỐC**

**TRẦN VĂN ĐÁ**

**Nơi nhận :**

- Ủy ban chứng khoán NN
- Sở GD&ĐT Tp.HCM
- Trung tâm lưu ký CK Tp.HCM
- Website : [www.tac.com.vn](http://www.tac.com.vn)
- Lưu VT